

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **157/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-12-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích;
2. Ông Đỗ Trọng Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 379/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim N, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm TK, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Dương Thành S, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm TH, phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2020 nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Dương Thành S tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ

sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MH vào ngày 13/9/2012. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông S không lo cho vợ con, không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu và còn đánh đập vợ. Bà và ông S đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện tại do tình cảm không còn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ly hôn với ông Dương Thành S.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Dương Thành T, sinh ngày 05 tháng 06 năm 2012. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Thành S không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Dương Thành S. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Thành S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Thành S.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà N và ông S tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MH vào ngày 13/9/2012. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà N và ông S đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S không lo cho vợ con, không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu và còn đánh đập vợ. Hiện tại do tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa bà N và ông S; ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án, ông S không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án,

không tham dự các buổi hòa giải, không tham dự phiên tòa, không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân giữa ông, bà. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N với ông S.

[3.2] Về con chung: Bà N trình bày bà và ông S có một con chung tên Dương Thành T, sinh ngày 05 tháng 06 năm 2012. Hiện cháu T đang do bà N nuôi dưỡng nên khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu T ngày 27/10/2020 thể hiện cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do ông S không có văn bản thể hiện yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và cũng không tranh chấp việc nuôi con với bà N nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu T. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trọng cho bà N nuôi dưỡng.

Bà N phải tạo điều kiện cho ông S trong việc trông năm, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Bà N trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông S phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Kim N với ông Dương Thành S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 191/2012, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang cấp cho ông Dương Thành S và bà Bùi Thị Kim N, ngày 13/9/2012 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung Dương Thành T, sinh ngày 05 tháng 06 năm 2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Bà N phải tạo điều kiện cho ông S trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005586 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Bà N đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Bà N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu